

ĐẾN Số: 1551
Ngày: 04/13/2021

Chuyển: **BỘ TÀI CHÍNH** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CỤC THUẾ **Số và ký hiệu HS:** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 509 /TCT-CS

V/v tăng cường quản lý
thuế tài nguyên.

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện điểm a, khoản 3 Tờ trình Bộ số 369/TTr-PC ngày 1/12/2020 về việc triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện và đánh giá thi hành các quy định của Nghị định số 50/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tài nguyên và Thông tư số 152/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế tài nguyên: “*Tăng cường công tác phối hợp giữa cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên và môi trường và các cơ quan khác trong việc cấp phép, kiểm tra, quản lý hoạt động khai thác tài nguyên, nhất là tài nguyên khoáng sản; xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên.*” đã được lãnh đạo Bộ Tài chính phê duyệt; Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố tăng cường quản lý thu thuế tài nguyên, trong đó chú trọng đẩy mạnh các công tác sau:

1) Về công tác kiểm tra, thanh tra về thuế tài nguyên:

Căn cứ Điều 109 về kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế; Điều 110 về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế; Điều 113 về trường hợp thanh tra thuế tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; và điểm k, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ khoản 6, khoản 7, Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về Cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế, cơ quan Tài nguyên và môi trường về quản lý hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương; doanh nghiệp khai thác, xuất khẩu tài nguyên khoáng sản;

Để tăng cường quản lý thuế tài nguyên đối với người khai thác chế biến khoáng sản, ngăn ngừa sai sót, gian lận, đề nghị Cục Thuế tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, nộp thuế tài nguyên, kết hợp với kiểm tra, thanh tra thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, công tác sử dụng hóa đơn để rà soát xác định đối tượng nộp thuế tài nguyên, sản lượng chịu thuế và giá tính thuế tài nguyên thực hiện chặt chẽ qua các khâu:

- (i) Kiểm tra thuế tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế;
- (ii) Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế;
- (iii) Thực hiện thanh tra thuế theo quy định của pháp luật.

Việc kiểm tra, thanh tra cần chú trọng công tác rà soát nội dung về đối tượng nộp thuế, sản lượng chịu thuế và giá tính thuế tài nguyên được nêu tại điểm 2 dưới đây.

2) Về xác định người nộp thuế, sản lượng chịu thuế tài nguyên, giá tính thuế tài nguyên:

Tăng cường rà soát người nộp thuế tài nguyên, sản lượng tài nguyên, khoáng sản thực tế khai thác để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước; Căn cứ hồ sơ khai, nộp thuế tài nguyên của người khai thác tài nguyên, khoáng sản do Cục Thuế trực tiếp quản lý và Chi cục Thuế trực tiếp quản lý, Cục Thuế thu thập số liệu về người nộp thuế tài nguyên, sản lượng tài nguyên, khoáng sản thực tế khai thác bao gồm dữ liệu do các Chi cục Thuế chuyển đến, tổ chức đối chiếu với hồ sơ thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản (theo văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản do cơ quan tài nguyên và môi trường gửi đến Cục Thuế) do Cục Thuế đang quản lý thu để xác định:

a) Người nộp thuế tài nguyên, gồm: (i) Người nộp thuế tài nguyên, đã quản lý thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản; (ii) Người thuộc diện quản lý thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản, nhưng chưa kê khai nộp thuế tài nguyên; (iii) Người nộp thuế tài nguyên, nhưng chưa quản lý thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản, để xác định người thuộc diện phải kê khai nộp thuế tài nguyên, kết hợp việc xác định sản lượng tài nguyên chịu thuế tài nguyên.

b) Chú trọng việc đối chiếu, xác định sản lượng tài nguyên, khoáng sản thực tế chịu thuế tài nguyên:

b1) Đối với người nộp thuế tài nguyên đã được quản lý thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Căn cứ sản lượng mỗi loại khoáng sản khai thác trên Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên năm, đối chiếu với trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tương ứng của năm theo Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan tài nguyên và môi trường chuyển đến (theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản), để xác minh tính phù hợp của sản lượng khoáng sản kê khai nộp thuế tài nguyên của năm khai thác, với Trữ lượng tài nguyên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác của năm.

Trường hợp phát sinh chênh lệch về sản lượng loại khoáng sản khai thác trên Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên năm, với Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm, tiến hành xác định nguyên nhân chênh lệch tăng hoặc chênh lệch giảm sản lượng khoáng sản khai thác kê khai nộp thuế trong

năm, so với Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (sản lượng được cấp phép khai thác của năm), đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế tài nguyên vào ngân sách nhà nước.

Việc xác định nguyên nhân chênh lệch được căn cứ hồ sơ thiết kế khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt về: Quy trình khai thác, sàng, tuyển, chế biến khoáng sản; hệ số thu hồi khoáng sản qua sàng, tuyển; định mức sử dụng khoáng sản trong chế biến khoáng sản; phương pháp quy đổi trữ lượng khoáng sản, quy đổi sản lượng tài nguyên tính thuế; xác định sản lượng tài nguyên đồng hành thu được từ hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác; sản lượng khoáng sản khai thác chưa thu hồi chưa kê khai nộp thuế tài nguyên, mà được tập kết, bảo quản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Đối với trường hợp loại khoáng sản có quy trình khai thác, công nghệ chế biến phức tạp, Cục Thuế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ của địa phương phối hợp xác minh sản lượng khoáng sản thực tế chịu thuế tài nguyên theo pháp luật về thuế tài nguyên.

b2) Đối với người khai thác tài nguyên, khoáng sản chưa kê khai nộp thuế tài nguyên:

Cục Thuế liên hệ, trao đổi thông tin làm rõ nguyên nhân chưa kê khai nộp thuế tài nguyên để quản lý thu thuế:

- Trường hợp phát sinh sản lượng tài nguyên, khoáng sản khai thác, nhưng chưa kê khai nộp thuế tài nguyên theo quy định thì tổ chức kiểm tra, thanh tra truy thu thuế tài nguyên và xử lý theo quy định của pháp luật về thuế.

- Trường hợp chưa phát sinh sản lượng tài nguyên, khoáng sản khai thác, do chưa được bàn giao mặt bằng, do chưa đáp ứng quy trình công nghệ khai thác hoặc do các nguyên nhân khách quan khác thì đề nghị cung cấp hồ sơ liên quan cho Cục Thuế hoặc Cục Thuế phối hợp với cơ quan chức năng xác minh, làm rõ khi cần thiết.

b3) Đối với người khai thác tài nguyên không thuộc diện phải cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản:

Căn cứ hồ sơ khai thuế tài nguyên, Cục Thuế rà soát người khai thác khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và người không phải làm thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản, như: Người thi công công trình xây dựng; thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh..., có thu được tài nguyên dùng để tiêu thụ, thuộc diện nộp thuế tài nguyên, (gồm cả khai thác tài nguyên làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ ...) để quản lý thu thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên.

Đồng thời, Cục Thuế trao đổi thông tin đến Sở Tài nguyên và Môi trường để rà soát, lập hồ sơ báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản

lý tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật.

c) Về giá tính thuế tài nguyên: Việc xác định giá tính thuế tài nguyên đối với từng trường hợp được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Riêng việc xác định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến thành sản phẩm sản phẩm công nghiệp mới bán ra theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC, lưu ý thêm việc xác định chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp được trừ khỏi giá bán sản phẩm công nghiệp để xác định giá tính thuế tài nguyên thì cần đổi chiều với các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giá tính thuế tài nguyên không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định đối với loại tài nguyên.

3) Tăng cường cơ chế phối hợp với giữa cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên và môi trường, cơ quan tài chính:

Căn cứ khoản 5, Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP; Điều 6 Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; khoản 6, Điều 5, Điều 6 và Điều 13 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên, đối với địa phương chưa xây dựng Cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, Cục Thuế báo cáo UBND cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp thực hiện:

- Xây dựng, rà soát hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương trình UBND cấp tỉnh ban hành; trong đó tăng cường trao đổi thông tin về công tác quản lý thuế tài nguyên, quản lý thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, quản lý công tác cấp Giấy phép khoáng sản.

- Tổ chức trao đổi thông tin về người khai thác tài nguyên, về người khai thác khoáng sản không thuộc diện phải cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, để quản lý thuế tài nguyên đồng bộ với quản lý thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thu khác liên quan, như: Người thi công công trình xây dựng; thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh..., có thu được tài nguyên dùng để tiêu thụ, thuộc diện nộp thuế tài nguyên, (gồm cả khai thác tài nguyên làm vật liệu xây dựng thông thường, khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ ...). Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan ở địa phương rà soát, lập hồ sơ quản lý thu thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường, Cục Thuế thường xuyên rà soát biến động giá bán trên thị trường của mỗi loại tài nguyên, khoáng sản để lập phương án giá tính thuế tài nguyên báo cáo Bộ Tài chính có ý kiến làm căn cứ điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với biến động của thị trường.

Đối với loại tài nguyên, khoáng sản mới chưa có trong Bảng giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh ban hành. Sở Tài chính chủ trì thu thập thông tin về giá thị trường của loại tài nguyên, khoáng sản mới làm cơ sở lập phương án xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên trình UBND cấp tỉnh ban hành chậm nhất là ngày 31/12 để công bố áp dụng từ ngày 01/01 năm tiếp theo liền kề khoản 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có phát sinh các trường hợp điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính gửi về Bộ Tài chính thông tin đối với các trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên để làm căn cứ điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Thông tư số 44/2017/TT-BTC.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế được biết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCS, Vụ PC, CST (BTC);
- Vụ PC; KKKTT, DNL, TTKT (TCT);
- Lưu: VT, CS.

62

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Vũ Xuân Bách